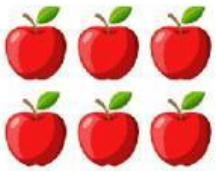
Full name: .....
School: .....
Class: .....

Mark:

Progress test 02

Exercise 1: Drag and drop the words to the correct pictures. (Con kéo thả từ vào đúng hình)

Example:



six

three | one | five | two | four











LIVEWORKSHEETS

Exercise 2: Write a number in each blank. (Con viết số vào chỗ trống)

Example:

0. How many?

- 7



1. How many?

- _____



2. How many?

- _____



3. How many?

- _____



4. How many?

- _____



5. How many?

- _____



LIVEWORKSHEETS

Exercise 3: Choose the correct beginning sound. (Con chọn âm bắt đầu đúng)

Example:



A. g
B. h
C. j



A. k
B. l
C. m



A. k
B. l
C. m



A. k
B. l
C. g



A. k
B. l
C. m



A. k
B. l
C. m



A. h
B. i
C. j

Exercise 4: Look, read, drag and drop the words to the correct pictures. (Con nhìn tranh, đọc từ và kéo thả từ vào đúng hình)

Example:



lemon

grapes | house | juice | kite | leaf | ink













LIVEWORKSHEETS

Exercise 5: Read and tick (✓) the correct picture. (Con đọc câu và đánh dấu ✓ vào hình đúng)

Example:

0. I see a lion.	 ☑	 ☐	 ☐
1. I have an igloo.	 ☐	 ☐	 ☐
2. I see a jet.	 ☐	 ☐	 ☐
3. This is a gorilla.	 ☐	 ☐	 ☐
4. This is a hammer.	 ☐	 ☐	 ☐
5. I see an iguana.	 ☐	 ☐	 ☐
6. This is a king.	 ☐	 ☐	 ☐
7. I have jam.	 ☐	 ☐	 ☐
8. I have a kiwi.	 ☐	 ☐	 ☐

LIVEWORKSHEETS

Exercise 6: Look at the letter. Tick (✓) 2 pictures that start with this sound. (Con nhìn chữ cái và đánh dấu ✓ vào 2 hình có âm đầu giống chữ cái đó)

Example:

Aa	 ☑	 ☐	 ☑	 ☐
Gg	 ☐	 ☐	 ☐	 ☐
Hh	 ☐	 ☐	 ☐	 ☐
Ii	 ☐	 ☐	 ☐	 ☐
Jj	 ☐	 ☐	 ☐	 ☐
Kk	 ☐	 ☐	 ☐	 ☐
Ll	 ☐	 ☐	 ☐	 ☐

LIVEWORKSHEETS

Exercise 7: Look, choose the correct words and write the full sentences. (Con nhìn tranh, chọn từ đúng và viết lại câu hoàn chỉnh)

 **This** = gần (near)

 **That** = xa (far)

an + a, e, i, o, u (an igloo, an ink) **a** + chữ cái khác (a kite, a lion)

Example:

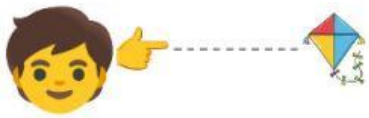
0. 

(**This** / That) is (**a** / an) lemon.

This is a lemon.

1. 

(**This** / **That**) is (**a** / **an**) iguana.

2. 

(**This** / **That**) is (**a** / **an**) kite.

3. 

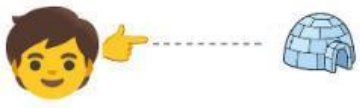
I see (**a** / **an**) insect.

4. 

I have (**a** / **an**) (**hat** / **horse**).

5. 

I want (**jam** / **juice**).

6. 

(**This** / **That**) is (**a** / **an**) igloo.

LIVEWORKSHEETS

Exercise 8: Look and complete the sentences. (Con nhìn tranh và viết tiếp các chữ cái còn thiếu)

horse	goat	juice	kangaroo	lion	ink

Example:

0.  This is a **l a d y b u g** .

1.  I have a **h** _ _ _ _ .

2.  This is a **k** _ _ _ _ _ _ _ .

3.  I want **j** _ _ _ _ .

4.  I see a **g** _ _ _ .

5. 

This is an **i** _ _ .

6.  That is a **l** _ _ _ .

LIVEWORKSHEETS